

# Kinh nghiệm đào tạo theo học chế tín chỉ của các trường đại học thuộc các nước phát triển

Trần Mạnh Dũng  
Phạm Phương Anh

Ngày nhận: 13/04/2017

Ngày nhận bản sửa: 14/08/2017

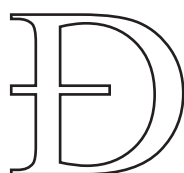
Ngày duyệt đăng: 24/08/2017

*Học chế tín chỉ ra đời và được áp dụng đầu tiên ở Viện Đại học Harvard (Mỹ) từ năm 1872. Với ưu thế của nó, học chế tín chỉ nhanh chóng được các trường đại học ở Mỹ, Châu Âu và các nước tiên tiến khác áp dụng cho đến ngày nay. Ở Việt Nam, kể từ năm học 2005-2006, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) chỉ đạo tất cả các trường đại học (ĐH), cao đẳng (CD), trung cấp chuyên nghiệp (TCCN) đều phải chuyển đổi sang phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ. Đây là mô hình đào tạo “lấy người học làm trung tâm”, có nhiều khác biệt so với mô hình đào tạo truyền thống. Tuy đã trải qua hơn 10 năm áp dụng, nhưng các trường đại học ở nước ta vẫn đang trong những bước đi đầu tiên, thậm chí còn chưa có nhận thức đúng về bản chất của phương thức đào tạo này. Bài viết nghiên cứu kinh nghiệm đào tạo theo học chế tín chỉ của các trường đại học ở một số nước phát triển, từ đó rút ra một số lưu ý áp dụng đào tạo tín chỉ tại các trường đại học Việt Nam.*

*Từ khóa (Keywords): tín chỉ, đào tạo theo học chế tín chỉ.*

## 1. Kinh nghiệm đào tạo theo học chế tín chỉ của các trường đại học thuộc các nước phát triển

### 1.1. Kinh nghiệm đào tạo theo học chế tín chỉ của các trường đại học Mỹ



Định nghĩa tín chỉ ở Mỹ như sau: Khối lượng học tập gồm 1 tiết học lý thuyết (50 phút) trong một tuần lễ và kéo dài 1 học kỳ (15-18 tuần) thì được

tính 1 tín chỉ. Các tiết học loại khác như: thực tập thí nghiệm, đi thực địa, vẽ, nhạc, thực hành nghệ thuật, thể dục... thì thường cứ 3 tiết trong một tuần kéo dài một học kỳ được tính một tín chỉ. Ngoài định nghĩa nói trên, người ta còn qui định: Để chuẩn bị cho 1 tiết lên lớp, sinh viên phải bỏ ra ít nhất 2 giờ nghiên cứu tài liệu ở ngoài lớp. Tín chỉ theo định nghĩa nói trên gắn với học kỳ 4 tháng (semester) được sử dụng phổ biến nhất ở Mỹ.

Ngoài ra còn có định nghĩa tương tự cho

tín chỉ theo học kỳ 10 tuần (quarter) được sử dụng ở một số ít trường đại học. Tỷ lệ khối lượng lao động học tập của hai loại định nghĩa tín chỉ này là 3/2, nghĩa là để học được 3 tiết hiệu quả trên lớp sinh viên cần dành ít nhất 2 giờ nghiên cứu tài liệu ở ngoài lớp. Để đạt bằng cử nhân (Bachelor), sinh viên thường phải tích lũy đủ 120-136 tín chỉ (Mỹ), 120-135 tín chỉ (Nhật Bản), 120-150 tín chỉ (Thái Lan)... Để đạt bằng thạc sĩ (master) sinh viên phải tích lũy 30-36 tín chỉ (Mỹ), 30 tín chỉ (Nhật Bản), 36 tín chỉ (Thái Lan)...

Khi tổ chức giảng dạy theo hệ thống tín chỉ, đầu mỗi học kỳ, sinh viên được đăng ký các môn học thích hợp với năng lực và hoàn cảnh của họ và phù hợp với qui định chung nhằm đạt được kiến thức theo một chuyên môn chính (major) nào đó. Sự lựa chọn các môn học rất rộng rãi, sinh viên có thể ghi tên học các môn liên ngành nếu họ thích. Sinh viên không chỉ giới hạn học các môn chuyên môn của mình mà còn cần học các môn học khác lĩnh vực, chẳng hạn sinh viên các ngành khoa học tự nhiên và kỹ thuật vẫn phải học một vài môn khoa học xã hội, nhân văn và ngược lại. Dưới đây là một số nét nổi bật trong phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ của các trường đại học ở Mỹ.

*Thứ nhất, thiết kế chương trình đào tạo với hệ thống các môn học rất đa dạng, phong phú, cho phép sinh viên được lựa chọn theo sở thích, năng lực cá nhân để tích lũy tín chỉ nhằm tốt nghiệp một chương trình đại học.*

Để học đại học ở Mỹ, điều kiện bắt buộc là phải hoàn thành chương trình kiến thức rộng. Kiến thức rộng được định nghĩa ở đây không phải là phải được học một số những pho sách kinh điển cụ thể nào, hay tiếp thu được những thông tin về những lĩnh vực cụ thể nào, mà là tìm hiểu các giá trị văn hóa khác nhau thông qua các lĩnh vực kiến thức được phân phối trong nhiều lĩnh vực, các phương pháp nghiên cứu khác nhau được áp dụng cho các lĩnh vực đó như thế nào và giá trị của các phương pháp đó.

Ngoài ra, các trường đại học thành viên và các khoa còn có thể có những yêu cầu cụ

thể khác cao hơn so với yêu cầu tối thiểu của toàn trường, và mỗi chuyên ngành lại có những yêu cầu về số các môn học bắt buộc thuộc về chuyên ngành. Các trường ĐH ở Mỹ hàng năm đều có các niên giám chương trình học cử nhân và cao học (undergraduate catalog and graduate catalog). Các niên giám này đều được in ra phát cho sinh viên và được đăng trên website của trường. Trong các niên giám này, tất cả các môn học trong trường được liệt kê đầy đủ, kèm theo các mã (code) của các môn học, các mô tả ngắn gọn về nội dung, các yêu cầu tiên quyết (prerequisite). Cũng trong niên giám này, sinh viên có thể tìm thấy các hướng dẫn chi tiết về các yêu cầu chung của toàn trường và các yêu cầu riêng của từng trường thành viên và từng khoa, cụ thể là các yêu cầu về chương trình giáo dục kiến thức rộng, của các loại văn bằng (degrees) và các chương trình chuyên ngành (majors).

Các trường đều khuyến khích giảng viên đề xuất các môn học mới. Giảng viên nào cũng có quyền đề xuất môn học mới. Nếu môn học được thông qua, nó sẽ được bổ sung vào niên giám và, tùy theo nhu cầu của sinh viên cũng như quyết định của trường khoa, có thể được dạy cho sinh viên. Mặt khác, nếu một môn học nào quá lâu không được dạy, và trường cũng không còn giảng viên có thể dạy được môn đó nữa, thì các tiêu ban về chương trình học của các khoa có thể đề nghị bỏ ra khỏi niên giám.

Một điểm nổi bật của các trường ĐH dạy theo hệ tín chỉ ở Mỹ là sự đa dạng, phong phú của các môn học khác nhau, thường rơi vào khoảng 5.000 môn học (theo niên giám của trường). Sự đa dạng, phong phú của các môn học khiến sinh viên có nhiều sự lựa chọn. Tuy nhiên, không phải năm học nào tất cả các môn đó cũng được dạy. Có những môn hai, ba hoặc bốn năm mới dạy một lần, với số lượng sinh viên rất ít, và có những môn năm nào cũng có hàng chục lớp với hàng nghìn sinh viên. Sinh viên trong một lớp ít hay nhiều, phần lớn là do tính chất của môn học đó chứ không phải do chất lượng giảng dạy của giảng viên. Nhiều trường ĐH lớn ở Mỹ có những lớp có 400-500 sinh viên,

thậm chí có lớp hơn 1.000 sinh viên, trong khi đó cũng có những lớp chỉ có 3 sinh viên. Tuy chỉ có 3 sinh viên, trường vẫn tôn trọng quyết định lựa chọn môn học của sinh viên nên các lớp này vẫn được mở.

Một điểm quan trọng nữa của hệ thống tín chỉ là nhấn mạnh tính đa dạng của nền tri thức, đề cao phương pháp để tìm hiểu thế giới (*vật chất và tinh thần*) hơn là những kiến thức cụ thể hoặc những thông tin cụ thể trong những lĩnh vực nào đó. Và trên cơ sở đó, cho phép sinh viên có những sự lựa chọn chương trình học theo sở thích của mình (*nhưng không hoàn toàn tùy ý mà phải theo một số quy tắc*).

*Thứ hai, các đại học ở Mỹ luôn chú trọng hướng dẫn cho sinh viên tự học, tự nghiên cứu, tạo lập ý thức tự giác cao trong học tập.*

Việc giảng dạy của giáo sư các trường đại học ở Mỹ luôn được phân công một cách công bằng nhất có thể, và một trong những tiêu chuẩn quan trọng nhất để đánh giá giảng viên là giảng viên đó đã dành bao nhiêu thời gian cho công việc giảng dạy của mình. Giáo sư phải bố trí cho mỗi lớp mình dạy, mỗi tuần khoảng 2-3 lần, mỗi lần 1 giờ gọi là “*thời gian văn phòng*” để giải đáp thắc mắc cho sinh viên hoặc sinh viên cũng có thể liên hệ với giáo sư qua email hoặc điện thoại để hẹn giờ hỏi bài riêng. Giáo sư thông báo địa chỉ trang web cá nhân, nơi sinh viên nhận bài tập và những lời dặn mỗi tuần, thông báo thời gian nhận và trả bài tập về nhà hàng tuần. Tất cả những thông tin trên đây đều được viết rõ ràng và chi tiết trong đề cương môn học của riêng giáo sư, và được đưa lên website từ đầu học kỳ. Trên nguyên tắc dạy học khuyến khích đối thoại, giáo sư và sinh viên trao đổi quan điểm trong giờ giảng. Sinh viên Mỹ thường không thích nói quá nhiều về lý thuyết mà quan tâm đến tính ứng dụng thực tiễn của vấn đề và chú trọng các kỹ năng thực hành.

Một số đại học ghi điểm cuối cùng của môn học bằng 11 bậc, dùng các chữ cái A, B, C, D, kèm theo có thể các dấu cộng hoặc trừ (nhưng không có A+). Một số đại học khác

ghi điểm cuối cùng của môn học bằng 41 bậc, từ 0.0 tới 4.0. Việc chuyển thế nào từ điểm cuối cùng (*bảng số thông thường*) của môn học (chẳng hạn 355/400 điểm) sang thang ghi điểm này cũng do giáo sư tự quyết định. Điểm là bí mật cá nhân của mỗi sinh viên. Điểm của mỗi sinh viên được giáo vụ chuyển vào thư mục riêng của sinh viên đó trong hệ thống internet của trường đại học. Giáo sư có thể thông báo điểm cho từng sinh viên, nhưng không được báo điểm của người này cho người khác.

Phần lớn các sinh viên Mỹ đều chọn cho mình một chuyên ngành (*major*) hoặc trường thành viên (*college or school*) ngay khi nộp đơn vào trường hoặc trong vòng hai năm đầu trước khi tích lũy được 90 tín chỉ (tương đương gần ½ khối lượng tín chỉ tối thiểu để tốt nghiệp). Mỗi sinh viên có một thông báo kiểm tra bằng cấp mà các trường đại học ở Mỹ gọi là DARS (*viết tắt của degree audit report system*). Cứ sau mỗi học kỳ thì nội dung của DARS lại được thay đổi để phản ánh những kết quả học tập sinh viên đã đạt được, chỉ ra sinh viên còn cần phải đáp ứng những yêu cầu nào để tốt nghiệp. DARS được gửi tới email của từng sinh viên. Những quy định về thời hạn đăng ký môn học trong một học kỳ rất cụ thể và chi tiết được đăng tải trên website của trường hoặc các sinh viên tìm đến giáo vụ của trường để nhận lời tư vấn. Sinh viên khi đã tích lũy được gần đủ số tín chỉ để tốt nghiệp có thể kiểm tra DARS của mình để biết được đã hội đủ các điều kiện để tốt nghiệp chưa, và *đăng ký xin tốt nghiệp* (apply for graduation, or declare candidacy for graduation). Việc đăng ký này giúp phòng giáo vụ của trường (registrar office) kiểm tra chính thức quá trình học của sinh viên để kết luận là đã đủ tiêu chuẩn để tốt nghiệp chưa. Ngay cả trong trường hợp sinh viên đã hội đủ mọi tiêu chuẩn để tốt nghiệp, nếu không đăng ký xin tốt nghiệp thì vẫn chưa tốt nghiệp được và chưa được cấp bằng. Tuy vậy, điều này không ảnh hưởng gì đến việc sinh viên đi làm hoặc xin học tiếp cao học, vì ở Mỹ *bằng cấp chỉ là hình thức, còn bằng điểm chính thức (official transcript) ghi chi tiết các kết*

quả của môn học mới quan trọng. Khi xin việc hoặc khi xin học tiếp cao học, đơn vị nhận hồ sơ chỉ yêu cầu bằng điểm chứ không yêu cầu bằng. Trong một số trường hợp nếu đơn vị tuyển dụng yêu cầu bằng thì thư của nhà trường xác nhận sinh viên này đã thỏa mãn mọi tiêu chuẩn để cấp bằng.

**1.2. Kinh nghiệm đào tạo theo học chế tín chỉ của các đại học thuộc các nước Châu Âu**

Việc áp dụng đào tạo theo học chế tín chỉ trong toàn hệ thống giáo dục đại học ở châu Âu (ECTS) đã thu được rất nhiều thành công, làm nên sức hấp dẫn đối với các sinh viên trên toàn thế giới về một môi trường và cơ chế đào tạo linh hoạt, tạo thuận lợi cho hoạt động học tập của người học.

*Một là, chương trình và phương thức đào tạo mềm dẻo, cho phép linh hoạt trong việc chuyển đổi chương trình đào tạo, chuyển đổi kết quả học tập nhằm tiết kiệm thời gian và chi phí về mặt tài chính cho người học.*

Một trong các nội dung quan trọng của Tuyên ngôn Bologna nhằm hình thành Không gian Giáo dục đại học Châu Âu (European Higher Education Area) năm 2010 là triển khai áp dụng học chế tín chỉ (European Credit Transfer System- ECTS) trong toàn hệ thống giáo dục ĐH để tạo thuận lợi cho việc cơ động hóa, liên thông hóa hoạt động học tập của sinh viên trong khu vực Châu Âu và trên thế giới. Hệ thống tín chỉ cho phép sinh viên đạt được văn bằng đại học qua việc tích lũy các loại tri thức giáo dục khác nhau được đo lường bằng một đơn vị xác định, căn cứ trên khối lượng lao động học tập trung bình của một sinh viên, gọi là *tín chỉ (credit)*. Theo ECTS của EU qui ước khối lượng lao động học tập trung bình của một sinh viên chính qui trong *một năm học* được tính bằng *60 tín chỉ*.

Theo Trung tâm đảm bảo giáo dục chất lượng bậc cao của Anh Quốc (QAA), các học viện, trường đại học ở Anh, xứ Wales và Bắc Ai Len đều sử dụng chung một mức quy ước tín chỉ. Theo đó, một mô-đun tương

**Bảng 1. Các cấp độ tín chỉ được sử dụng ở các nước Anh, xứ Wales và Bắc Ailen**

Cấp độ tín chỉ	Yêu cầu của việc học tập để đạt được
8	Tiến sĩ
7	Thạc sĩ
6	Phần cuối cùng để đạt được bằng cử nhân (BA/BSc)
5	Phần cuối cùng của cấp độ Kiến thức cơ sở; phần giữa của cấp độ cử nhân
4	Phần đầu tiên của giáo dục bậc cao
3	Phần khởi đầu của giáo dục bậc cao

*Nguồn: QAA, 2009*

ứng với 150 giờ lao động thực tế và 15 tín chỉ học. *Sinh viên có thể bảo lưu các tín chỉ đã tích lũy được sang chương trình học khác trong cùng một cơ sở đào tạo hoặc chuyển các tín chỉ tích lũy này sang trường đại học khác cùng khối ngành. Có 8 cấp độ tín chỉ được sử dụng ở các nước Anh, xứ Wales và Bắc Ailen (Bảng 1).*

*Hai là, việc chuyển đổi một số kinh nghiệm nghề nghiệp sang một phần của bằng cấp đã thực sự tạo điều kiện cho những người đã rời trường sớm để đi làm có thể quay trở lại trường học thêm lấy bằng cử nhân hoặc thạc sĩ mà không phải học lại từ đầu tất cả các môn học.*

Một ví dụ về việc công nhận việc học tập trước của sinh viên như sau: Sau khi hoàn thành chương trình học cử nhân về Lịch sử & Nghệ thuật, Tejal đã làm việc hai năm trong một viện bảo tàng. Sau đó cô đăng kí theo học chương trình Thạc sĩ về Nghệ thuật, Kiến trúc và Thiết kế. Cô đã chứng minh, thông qua các thủ tục về mặt hồ sơ của trường đại học, rằng việc học tập của cô thông qua kinh nghiệm cô đã thu lượm được khi làm việc tại bảo tàng phù hợp với kết quả học tập của 10 tín chỉ cấp độ 7 trong chương trình học Thạc sĩ của cô. Tejal đã được trao 20 tín chỉ (2 x 10 tín chỉ) cho các mô-đun này, mà không cần phải học lại các mô-đun này tại bậc học Thạc sĩ.

**2. Bài học đào tạo theo tín chỉ tại các trường đại học Việt Nam**

Ở Việt Nam, theo đánh giá của Bộ Giáo dục và Đào tạo, sau hơn mười năm triển khai đào tạo theo tín chỉ, đến nay còn nhiều trường chưa chuyển đổi theo mô hình đào tạo này. Trong số những trường đã đào tạo theo học chế tín chỉ, phần lớn các trường mới đang ở những bước đi đầu tiên, nên hiệu quả thực sự của phương thức đào tạo này chưa được bộc lộ rõ, chưa tạo ra sự chuyển biến mạnh mẽ, tích cực đến chất lượng đào tạo. Đặc biệt, như phân tích ở trên, tính liên thông dễ dàng trong quá trình học tập, sự thích ứng cao với thị trường lao động và khả năng hội nhập của hệ thống giáo dục đại học nước ta với khu vực và thế giới còn hạn chế. Trong chương trình hành động của ngành Giáo dục thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục Việt Nam 2011-2020 (ban hành kèm theo Quyết định số 1215/QĐ-BGDĐT ngày 04/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo), một trong các hành động cần làm là “Đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, thi, kiểm tra và đánh giá chất lượng giáo dục”. Mục 1.4.d chỉ ra rằng, *“Tiếp tục chỉ đạo các cơ sở giáo dục đại học thực hiện việc đào tạo theo học chế tín chỉ; sửa đổi bổ sung quy chế đào tạo đại học, cao đẳng theo hệ thống tín chỉ cho phù hợp với thực tiễn giáo dục đại học Việt Nam; hoàn thiện hệ thống thông tin về quản lý giáo dục đại học”*.

Trong báo cáo tổng kết năm học 2016-2017 của Vụ Giáo dục đại học tháng 7/2017 vừa qua, các cán bộ quản lý giáo dục nhận định một trong những bài học kinh nghiệm mà giáo dục nước ta có thể tiếp thu của các nước tiên tiến đó là *“Nghiên cứu áp dụng mô hình quản trị đại học hiện đại của các nước có nền giáo dục đại học phát triển trong khu vực và trên thế giới, phù hợp với thực tiễn Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0”*. Điều này cũng được nhấn mạnh trong nhóm giải pháp về đẩy mạnh hợp tác quốc tế với các nước về giáo dục và dạy nghề trong Đề án về hội nhập quốc tế về giáo dục và dạy nghề đến năm 2020. Đề án chỉ ra giải pháp *“Thúc đẩy sự hình thành và phát triển của hệ thống chuyển đổi tín chỉ giữa các nước ASEAN; thực hiện công nhận văn bằng và chuyển đổi tín chỉ giữa các*

*nước trong khu vực và thế giới; mở rộng các chương trình trao đổi và dịch chuyển sinh viên quốc tế”*.

Từ kinh nghiệm của các trường đại học ở Mỹ và Châu Âu, nhóm tác giả rút ra một số bài học có thể vận dụng cho các trường đại học ở Việt Nam như sau:

*Thứ nhất*, thiết kế chương trình đào tạo cần có sự mềm dẻo cho phép linh hoạt chuyển đổi giữa các ngành đào tạo, di chuyển ngành đào tạo trong quá trình đào tạo và chuyển đổi khối lượng kiến thức được tích lũy ngoài nhà trường nhằm tiết kiệm chi phí cho người học.

Sinh viên Việt Nam hiện nay rất năng động. Ngoài các môn học trên giảng đường nằm trong chương trình đào tạo chính thức để nhận bằng, không ít sinh viên tự tìm tòi và tự theo học để đạt được chứng chỉ riêng của các lĩnh vực chuyên sâu như: IETLS (lĩnh vực ngoại ngữ), ACCA hay CPA (lĩnh vực kế toán- kiểm toán), CFA (lĩnh vực tài chính)... Việc công nhận kết quả sinh viên đạt được theo các chứng chỉ quốc tế trên tương đương với việc đạt bao nhiêu điểm đối với một số môn học/ tín chỉ có liên quan, sẽ tạo động lực khuyến khích sinh viên hội nhập và phù hợp với giáo dục quốc tế.

*Thứ hai*, xây dựng chương trình đào tạo chú trọng trang bị kỹ năng mềm và mở rộng hệ thống các môn học tự chọn trong chương trình đào tạo. Ngoài cơ cấu những học phần bắt buộc phải tích lũy cho một chuyên ngành, sinh viên có thể lựa chọn các môn học ở các lĩnh vực khác nhau nhằm thỏa mãn những sở thích, đam mê và góp phần trang bị cho người học không chỉ là kỹ năng nghề nghiệp mà còn là kỹ năng sống nói chung.

*Thứ ba*, từng bước cho phép sinh viên được lựa chọn giảng viên. Nếu chưa thể áp dụng rộng rãi ở tất cả các học phần thì cần lựa chọn một số môn học có điều kiện thuận lợi hơn để áp dụng. Việc làm này, một mặt nhằm đáp ứng quyền lợi của người học, vì bản chất của phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ là *“lấy người học làm trung tâm”*, mặt khác đây cũng là động lực *“cạnh tranh”* quan trọng, góp phần thúc đẩy giảng viên không ngừng đổi mới, sáng tạo về cả nội

dung và phương pháp giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng bài giảng, đáp ứng nhu cầu người học.

*Thứ tư*, thiết lập các kênh hỗ trợ người học, đặc biệt hệ thống cố vấn học tập để giúp người học có kỹ năng thiết kế thời khóa biểu trên lớp, thời khóa biểu ngoài giờ trên lớp hợp lý, theo đó quản lý gian tự học một cách tối ưu... Đây là một trong những vấn đề còn khó khăn, lúng túng trong triển khai thực hiện ở các trường đại học nước ta, xuất phát từ quy mô tuyển sinh quá lớn, trong khi những người am hiểu về học chế tín chỉ để có thể đóng vai trò cố vấn không nhiều.

of California Riversides) của Mỹ, tỷ lệ cố vấn học tập trên đầu sinh viên tư vấn ở mức khoảng 260 sinh viên. Tỷ lệ này ở trường University of California Berkeley của Mỹ ở mức thấp, chỉ là 1 cố vấn học tập/156 sinh viên. Trong báo cáo nhiệm vụ giảng dạy năm 2014 của trường Đại học UCR (University of California Riversides) của Mỹ, các giảng viên, chuyên viên, nghiên cứu viên đã chỉ ra rằng “Các cố vấn học tập là những nguồn tài nguyên đặc biệt quan trọng cho các bạn sinh viên năm thứ nhất và sinh viên có kết quả học tập kém ở trường đại học”. Tuy nhiên, ở Việt Nam, bộ phận này chưa được quan tâm,

**T**heo dữ liệu khảo sát tại Học viện Ngân hàng được thực hiện vào tháng 4/2017, 54% giảng viên đánh giá tổng thời lượng 140 tín chỉ cho chương trình đào tạo đại học hiện nay là hợp lý, 32% giảng viên đánh giá tỷ lệ học phần tự chọn trong các chương trình đào tạo của Học viện Ngân hàng còn ít hơn so với nhu cầu của người học (với tỷ lệ tín chỉ tự chọn là 18-27 tín chỉ /140-141 tín chỉ). Như vậy, một tỷ lệ lớn giáo viên đánh giá các học phần tự chọn còn ít, ý nghĩa của việc tự chọn để tự cơ cấu các học phần theo sở thích của người học chưa lớn.

Theo yêu cầu của chủ trương đổi mới chương trình đào tạo tại Học viện Ngân hàng, cho đến thời điểm hiện tại các Khoa, Bộ môn đang tích cực thực hiện rà soát, chỉnh sửa bổ sung chương trình đào tạo, đề cương chi tiết các học phần theo mẫu thống nhất của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. Ngoài ra, một số khoa Kế toán, Tài chính đã thực hiện tích hợp các chương trình đào tạo của nước ngoài vào chương trình đào tạo trong quá trình giảng dạy như ACCA, ICAEW (Trích Báo cáo tổng kết đào tạo năm học 2016-2017 của Học viện Ngân hàng).

Thực tế cho thấy, nếu không được cố vấn ngay từ đầu, ngay từ khi mới nhập trường, sinh viên sẽ thực sự khó khăn trong việc lựa chọn và thiết kế kế hoạch học tập phù hợp, trong việc “bắt nhịp” theo phương thức đào tạo hoàn toàn mới so với bậc đào tạo phổ thông. Ở các nước phát triển châu Âu và châu Mỹ, mỗi chuyên ngành có một văn phòng riêng cho bộ phận cố vấn học tập để trực tiếp hỗ trợ giúp đỡ các sinh viên khi có nhu cầu. Hiệp hội cố vấn học thuật quốc gia Mỹ (NACADA) khuyến cáo rằng tỉ lệ hợp lý là một cố vấn học tập cho khoảng 300 sinh viên. Tuy nhiên, có nhiều trường đã chọn tỉ lệ này thấp hơn để đảm bảo đáp ứng tốt nhất nhu cầu giải đáp thông tin cho sinh viên. Ví dụ ở trường Đại học UCR (University

chú trọng. Rất ít trường có đội ngũ cố vấn học tập chuyên trách và chuyên nghiệp để có thể cố vấn tốt nhất cho sinh viên. Trong điều kiện biên chế về số lượng cán bộ ở các trường đại học bị hạn chế, để khắc phục khó khăn này, các trường có thể hình thành đội ngũ cố vấn học tập từ những sinh viên giỏi khóa trước, đã qua trải nghiệm thực tế nên hoàn toàn có khả năng làm cố vấn học tập cho khóa sinh viên mới.

*Thứ năm*, phát huy tính tự giác, nâng cao hiệu quả tự học của sinh viên. Tín chỉ là đại lượng đo lường lao động học tập trung bình của người học, tức là toàn bộ thời gian mà một người học bình thường phải sử dụng để học một môn học, bao gồm: i) thời gian học tập trên lớp; ii) thời gian học tập trong phòng

thí nghiệm, thực hành, thực tập hoặc làm các phần việc khác đã được quy định ở đề cương môn học; iii) thời gian dành cho việc tự học ngoài lớp như đọc sách, nghiên cứu, giải bài tập/ tiểu luận hoặc chuẩn bị bài... Tín chỉ còn được hiểu là khối lượng kiến thức và kỹ năng theo yêu cầu của môn học mà người học cần phải tích lũy trong một khoảng thời gian nhất định. Trên thực tế, nếu không được hướng dẫn và không có yêu cầu cụ thể, ngoài trừ các sinh viên có tinh thần tự học cao, đa số sinh viên thiếu tinh thần tự giác trong tự học, do đó số giờ tự học ở nhà thấp hơn nhiều so với yêu cầu. Nếu không chú trọng khâu này, không kiểm soát được chất lượng tự học của sinh viên thì chất lượng đào tạo đại học sẽ không thể nâng cao, ưu thế của phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ sẽ không được phát huy đầy đủ.

### 3. Kết luận

Giảm số lượng giờ dạy nhưng không cắt xén chương trình, đó là mục đích của những nhà thiết kế chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ. Nhiệm vụ này không dễ thực hiện. Vì thế, nếu chưa hiểu bản chất và chuyển đổi phương pháp giảng dạy phù hợp, không ít giảng viên sẽ chọn phương pháp đơn giản nhất là dạy đến hết giờ trên lớp, phần

chương trình còn lại giao cho sinh viên tự học mà không hướng dẫn sinh viên cách tiếp cận kho kiến thức của nhân loại ngoài sách vở, internet hay tham gia hội thảo, chương trình. Hiện nay, tại Học viện Ngân hàng cũng như nhiều trường đại học chưa áp dụng cho phép sinh viên được chọn lựa giảng viên trong quá trình đăng ký học. Việc cho sinh viên lựa chọn giảng viên trong đăng ký học sẽ tạo động lực để giảng viên thay đổi phương pháp giảng dạy tích cực nhằm đáp ứng được nhu cầu của người học.

Với phương thức đào tạo tín chỉ, thời khóa biểu của mỗi sinh viên là khác nhau, tùy thuộc vào sở thích và mong muốn của các sinh viên khi đăng kí môn học. Do đó có những ngày, sinh viên ở trường học 2,3 môn nhưng có những ngày sinh viên không có buổi học. Với vốn thời gian nhàn rỗi nhiều, sinh viên không chủ động tự học, tự nghiên cứu thì sẽ khó tiếp thu bài hiệu quả. Do vậy, các trường cũng cần thiết kế bộ phận chuyên trách để hỗ trợ sinh viên khi theo học đại học, gọi là bộ phận ‘cố vấn học tập’. Cố vấn học tập là người tư vấn cho sinh viên về chương trình học, những kiến thức, kỹ năng gì cần tích lũy để tốt nghiệp và những nơi có các công việc phù hợp mà tương lai sinh viên có thể làm và đạt đến thành công. ■

### Tài liệu tham khảo

1. *Academic credit in higher education in England- an introduction (QAA, 2009).*
2. *Higher education credit framework for England: Guidance for academic credit arrangements in higher education in England (University UK, August 2008).*
3. *Omporn Regel- The Academic Credit System in Higher Education: Effectivness and Relevance in Developing Country, The World Bank (Bản dịch: “Về hệ thống tín chỉ học tập”, Bộ Giáo dục và Đào tạo, 1994).*
4. *Hệ tín chỉ: Từ đại học ở Mỹ đến đại học ở Việt Nam, GS Vũ Quốc Phóng, Trường ĐH Ohio (Mỹ) (Báo Vietnamnet, 2008).*
5. *Báo cáo tổng kết đào tạo năm học 2016-2017 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2017-2018 của Học viện Ngân hàng (Tháng 8/2017).*
6. *Báo cáo tổng kết năm học 02016-2017 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2017-2018 của các cơ sở giáo dục đại học, các trường sư phạm (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 11/8/2017).*
7. *Chương trình hành động của ngành Giáo dục thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục Việt Nam 2011-2020 ban hành kèm theo Quyết định số 1215/QĐ-BGDĐT ngày 04/04/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.*
8. *Quyết định phê duyệt đề án Hội nhập quốc tế về giáo dục và dạy nghề đến năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ ký ngày 16/12/2013.*

### Thông tin tác giả

**Trần Mạnh Dũng**, Tiến sĩ  
Học viện Ngân hàng  
Email: dungtm@hvn.edu.vn

**Phạm Phương Anh**, Thạc sĩ  
Học viện Ngân hàng  
Email: anhpp@hvnh.edu.vn

### **Summary**

#### **Experiences of education credit framework froms universities in developed countries and lessons for universities in Vietnam**

The credit system was born and firstly applied at Harvard University in US since 1872. With its standing-out advantages, the credit system are rapidly adopted by the United States (US) universities until now and has become popular in European universities as well as in other developing countries in the world. In Vietnam, from the school year 2005 to 2006, the Ministry of Education and Training directs all universities, colleges and professional secondary schools to transform into credit-based training. This is a 'learner-centered' training model, with a great difference from traditional training model. Although universities in Vietnam has applied the credit system for ten years, the slow application has just been in the first stages, without a proper understanding of the meaning of this training method. This article summarizes some experiences of the credit-based training from universities in developed countries, which can be applied to Vietnamese Universities.

Keywords: credit, credit-based training, education credit framework.

**Dung Manh Tran**, PhD.

**Anh Phuong Pham**, Ma.

Banking Academy